

VÀI NÉT VỀ VĂN HÓA ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI NHẬT BẢN

NGÔ HƯƠNG LAN^(*)

I. Về sự hình thành văn hóa ứng xử của người Nhật Bản

Cho đến nay mặc dù vẫn còn rất nhiều tranh cãi về vấn đề nguồn gốc dân tộc của người Nhật, nhưng theo ý kiến của nhiều nhà chuyên môn thì người Ainu là dân tộc xuất hiện cổ xưa nhất ở Nhật Bản, sinh sống chủ yếu bằng săn bắn, đánh bắt cá và hái lượm. Những người di cư từ bờ biển phía đông của lục địa châu Á tới đảo Hokkaido đã hòa nhập với tộc người Ainu. Tại các đảo Kyushu, Shikoku và miền Nam đảo Honshu, dân cư Ainu lại hòa nhập và đồng hóa với các bộ lạc Nam Đảo. Giữa thiên niên kỷ đầu tiên TCN., các bộ lạc tiên Nhật đã vượt qua eo biển Triều Tiên để đến quần đảo Nhật Bản. Nhóm bộ lạc dân tộc này đã *đem nền văn hóa lúa nước đến đây* (việc gieo trồng lúa nước đã trở thành phương hướng kinh tế chính trên quần đảo này) và lập ra nhà nước Yamato, quốc gia Nhật Bản thực sự đầu tiên. Trong khi đó, tộc người Ainu dần dần bị đẩy lên phương Bắc. Cho đến nay, Nhật Bản là một nước có thành phần dân tộc được coi là thuần chủng nhất, người Nhật chiếm 99% dân số, tạo thành nền tảng dân tộc. Người Ainu chỉ còn sót lại khoảng 20 ngàn dân sống trên đảo

Hokkaido. Ngoài ra còn có một bộ phận nhỏ người Triều Tiên và người Trung Quốc di cư sang Nhật thời trước Chiến tranh thế giới thứ Hai.

Như vậy là, thành phần dân tộc thuần chủng là một trong những điều kiện thuận lợi để văn hóa bản địa Nhật ra đời và phát triển độc đáo, có một sức sống bền bỉ. Tuy nhiên, không có một nền văn hóa nào lại cô độc. Cũng vậy, nền văn hóa Nhật Bản đã chịu sự tác động của các nền văn hóa láng giềng như Trung Quốc, Triều Tiên, đặc biệt là Trung Quốc. Theo những cứ liệu lịch sử thì văn hóa Trung Hoa đã sớm du nhập vào Nhật Bản ngay từ thế kỷ thứ II, III TCN. qua đường biển, song phải đến thời Tùy - Đường (thế kỷ VIII) thì Nhật Bản mới chính thức chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa.

Một điểm mốc quan trọng khác trong lịch sử văn hóa Nhật là thời kỳ Muromachi (1338-1573), những cuộc binh đao không ngớt giữa các lãnh chúa (daimyo) và phái hòa thượng đạo Phật nhiều quyền lực đã tạo nên những quy tắc Bushido (võ sĩ đạo) của một đời sống khắt khe, khổ hạnh đã trở thành truyền

^(*) ThS. Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

thống dân tộc còn lưu giữ cho đến ngày nay. Cuối thế kỷ XVI, Đạo Khổng với hệ thống nguyên lý đạo đức hoàn chỉnh được du nhập vào, kết hợp với tinh thần võ sĩ đạo trong nước, đã hình thành nên những chuẩn tắc đạo đức khá đặc biệt như “trung thành vô hạn với chủ, sẵn sàng đi theo chủ ngay cả lúc xuống mồ (tục mổ bụng tự sát - harakiri)”... Đó chính là nền tảng của tinh thần Nhật Bản đích thực, giúp Nhật Bản đối phó với những ảnh hưởng của nước ngoài.

Thời kỳ Edo (1603 - 1868) kéo dài hơn hai trăm năm cũng là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử văn hóa Nhật Bản. Chủ trương “đóng cửa” trong nhiều năm vì những lý do chính trị và tôn giáo đã tạo ra cho đời sống xã hội Nhật Bản một mô hình xã hội - chính trị ổn định, được thống nhất lâu dài trong cả nước. Đây cũng là một tiền đề thuận lợi để văn hóa bản địa phát triển rực rỡ.

Cuộc đụng độ thực sự với phương Tây vào thời điểm đổ đốc hải quân Matthew Perry đặt chân lên đất Nhật năm 1853, yêu cầu Nhật Bản phải thiết lập quan hệ thương mại và ngoại giao với Mỹ đã đánh dấu một giai đoạn chuyển mình khác trong lịch sử văn hóa Nhật Bản, giai đoạn của sự đổi thay mạnh mẽ về kinh tế, chính trị, xã hội. Đặc biệt, với công cuộc Duy tân, kỷ nguyên Minh trị đã mở ra cho Nhật Bản một thời đại mới của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Như vậy, khi nhìn nhận bản sắc và tính cách văn hóa Nhật Bản, có thể nhấn mạnh rằng văn hóa Nhật Bản được thể hiện qua những lớp văn hóa sau: lớp văn hóa bản địa được hình thành từ buổi đầu của nhà nước Yamato gắn liền với thiên nhiên và phương thức canh tác lúa nước; lớp văn hóa Hán mà chủ yếu là đạo Phật,

đạo Khổng được du nhập trên cơ sở vừa tiếp thu cái mới, vừa đồng hóa cho phù hợp với bản sắc dân tộc; và lớp văn hóa phương Tây mới được du nhập vài thế kỷ trở lại đây có ảnh hưởng mạnh tới lối sống và ứng xử của người Nhật thời hiện đại. Trong bối cảnh văn hóa như vậy, người Nhật hình thành phép văn hóa ứng xử xuất phát từ ba lớp văn hóa, nhưng cơ bản vẫn là *trên nền tảng của sự đồng hóa với văn hóa bản địa*.

II. Một số khía cạnh đặc trưng trong văn hóa ứng xử của người Nhật

1. Ứng xử với tự nhiên

Nhật Bản là một xã hội nông nghiệp *gắn bó chặt chẽ với thiên nhiên*, thể hiện qua lao động, nhà ở, nếp ăn, mặc, ở, cách thức giao tiếp, phong tục tập quán, tôn giáo, văn hóa nghệ thuật... Thiên nhiên kỳ vĩ mang đến cho người Nhật cái hạnh phúc được ngắm nhìn những cảnh đẹp huy hoàng rực rỡ, nhưng sự khắc nghiệt của nó cũng làm người Nhật phải kính cẩn, nể sợ, khao khát được sống hòa thuận với thiên nhiên. Người Nhật tìm thấy niềm vui sướng “không chỉ ở việc quan sát sự thay đổi của thiên nhiên mà còn bắt nhịp điệu của cuộc sống phụ thuộc vào nó” (1). Cho đến nay người Nhật vẫn còn tập tục tổ chức các ngày lễ gia đình trùng với những sự kiện lớn của thiên nhiên, như ngày xuân phân, ngày hoa anh đào nở, ngày rằm mùa thu. Cũng có thể thấy sự hòa hợp với thiên nhiên trong cách thiết kế những mảnh vườn con ở mỗi ngôi nhà Nhật, cũng như khi bắt gặp trên bàn ăn của họ những biểu tượng về các mùa trong năm. Thiên nhiên có ảnh hưởng vô cùng lớn đến cuộc sống của người Nhật và tạo nên sự khác biệt trong lối sống, cách ứng xử của họ với các dân tộc khác.

Thiên nhiên - theo đúng nghĩa đen của nó chính là cái đã đặt nền móng cho bốn tiêu chuẩn thẩm mỹ quan trọng nhất của người Nhật về cái đẹp: Sabi (sự tôn sùng những gì là tự nhiên), Wabi (vẻ đẹp thường ngày, đơn giản và thực dụng được coi trọng hơn là sự cầu kỳ, diêm dúa giả tạo), Sibui (tổng kết lại ở khái niệm Sabi và Wabi, sự không hoàn thiện ban đầu kết hợp với sự kiềm chế tinh táo) và Ugen (vẻ đẹp của điều chưa nói hết) - vẻ đẹp ẩn sâu trong sự vật mà không phô ra bề ngoài, nó có thể hoàn toàn không được cảm nhận đối với người không có óc thẩm mỹ hay sự bình thần của nội tâm. Sự sùng bái các hiện tượng và sự vật trong thiên nhiên không phải vì người Nhật sợ sức mạnh khủng khiếp của nó mà vì lòng biết ơn vô hạn đối với những gì thiên nhiên đã hào phóng ban tặng cho họ. Vì vậy, tình cảm của họ với thiên nhiên là tình cảm yêu mến và gắn bó.

2. Ứng xử với xã hội

* *Ứng xử ở nơi làm việc* được thể hiện ở tư tưởng đạo đức trong quan hệ tại công ty và một số đặc điểm hành vi giao tiếp điển hình.

Ở Nhật Bản giai đoạn quyết định tương lai của một con người là vào lúc từ 15 đến 25 tuổi, tức là khi anh ta gặp người đỡ đầu (oya) trong lĩnh vực hoạt động của mình và bắt đầu một cuộc sống tự lập. Ngày nay, trong môi trường làm việc ở công ty, “nếu như một chàng trai được nhận vào xí nghiệp theo giới thiệu của người đồng hương thì người đó trong tương lai bao giờ cũng có thể hy vọng được sự trung thành tuyệt đối của cậu ta như luật ân nghĩa đòi hỏi” (1, tr.117). Lễ thói ứng xử theo kiểu dựa trên *mối quan hệ cá nhân* “oya - ko” như vậy còn có thể thấy trong lĩnh vực học đường, nơi người

thầy cũ trở thành người bảo trợ cho học sinh trong suốt chặng đường đời của cậu, còn các sinh viên đại học thì đối xử với giáo sư hướng dẫn và các senpai (sinh viên khóa trên) cùng zemi (nhóm sinh viên có chung giáo sư hướng dẫn) như người bề trên trong gia đình.

Người Nhật quen *đánh giá con người theo nguồn gốc của tập thể mà người đó thuộc vào*. Tức là, cái cơ sở để quyết định vị trí của mỗi người trong giao tiếp không phải là nghề nghiệp, thành tích hoặc khả năng của cá nhân mà chính là cái gia đình, thị tộc hay hăng mà anh ta phục vụ. Khi không tìm hiểu được những điều này ở đối tượng, người Nhật khó có thể thực hiện giao tiếp.

Trong một “tập thể” của người Nhật, các quan hệ theo chiều dọc mạnh hơn chiều ngang. Nếu như quan hệ chiều ngang là quan hệ giữa bạn cùng học thời phổ thông và đại học thì sau khi ra trường, người Nhật chỉ có các quan hệ chiều dọc nghiêm khắc giữa già và trẻ, cấp trên và cấp dưới. Quan hệ chiều dọc được thiết lập do phân định thứ hạng. Trong một công ty, hạng của nhân viên được xác định trước hết là bằng trình độ văn hóa, sau đó là số năm công tác. Trong xưởng máy, thứ hạng được xếp theo tuổi tác (thâm niên). Đối với giáo sư đại học thì tiêu chuẩn này lại là ngày mà ông ta chính thức được bổ nhiệm về bộ môn. Thậm chí ý thức về thứ hạng còn tồn tại phổ biến ngay cả trong giới văn, nghệ sĩ, nơi mà đáng lẽ tài năng phải là tiêu chuẩn được đưa lên hàng đầu.

Phân tích ứng xử trong môi trường làm việc không thể không nói tới nét đặc thù của hệ thống hợp đồng suốt đời của Nhật Bản. Tinh thần cộng đồng phụ hệ được “cấy vào” các xí nghiệp một cách tỉ mỉ và có tính toán, sao cho có thể buộc

chặt số phận của người làm vào tương lai của hãng. Chính vì vậy, rất ít người Nhật bị lôi kéo bởi mức lương cao của các công ty nước ngoài bởi họ hiểu rằng ở đó người ta không thể đảm bảo cho họ cái mà các công ty Nhật Bản có thể, đó là công ăn việc làm suốt đời và tiền thâm niên hàng năm. Ngược lại, họ cũng được giáo dục rằng “phải trung thành, cần mẫn và ít đòi hỏi”. Một vấn đề khá lý thú khác ở hệ thống này là nó không chỉ gìn giữ ở các xí nghiệp cái tinh thần phụ hệ có lợi cho giới chủ mà còn tạo ra không khí đối xử tốt và chịu đựng lẫn nhau giữa những người làm công.

Sang nửa cuối những năm 1990, hệ thống “tuyển dụng suốt đời” với những tiêu chuẩn đạo đức, các quy tắc ứng xử như trên bị coi là lỗi thời, chế độ tuyển dụng nhân viên “không chính thức”, nhân viên “part-time” (theo giờ) theo kiểu các công ty Âu Mỹ tăng nhanh chóng. Sự thay đổi trong cơ cấu quản lý của các hãng như vậy, cộng với sự già hóa dân số đang tiến triển nhanh chóng đang làm hình thành một lớp người mới - thế hệ thanh niên kiếm việc làm theo kiểu freeter (người tự do), không gắn bó suốt đời với một hãng như cha ông họ, nhảy việc và kiếm tiền chỉ vừa đủ trang trải cho những thú vui của bản thân.

Lời nói, vẻ mặt, cử chỉ... là những phương tiện mà người Nhật nói riêng, các dân tộc trên thế giới nói chung, có những đặc trưng điển hình.

Trước hết là *vẻ mặt*, mặc dù rất coi trọng việc nhìn nét mặt để xác định ý đồ của đối phương trong giao tiếp, nhưng người Nhật cũng là những người muốn dấu bộ mặt thật của mình nhất. Sự kín đáo, không để lộ tâm tư sâu kín là một trong những tiêu chuẩn xử thế quan trọng của người Nhật.

Cũng giống như vẻ mặt, *cử chỉ và động tác thân thể* của người Nhật khi giao tiếp là những cái rất khó nhận diện. Đối với người Nhật, biết mức độ và giữ gìn trong các cử chỉ là đáng khen. Hầu như những cử chỉ hay bất gặp nhất ở họ chỉ là những cái gật đầu, song ý nghĩa của chúng lại không hoàn toàn giống với các dân tộc khác, chúng không có nghĩa là “tôi đồng ý” mà chỉ là “tôi đang lắng nghe”. Ánh mắt của người Nhật cũng lại là một điều bí ẩn khác. Khi nói chuyện, người Nhật rất ít khi nhìn thẳng vào nhau, họ thường tìm một vật trung dung nào đó để nhìn.

Những *lễ nghi* trong văn hóa ứng xử của người Nhật cũng thể hiện độc đáo ngay từ cái cúi chào. Cho đến nay, người Nhật vẫn còn giữ thói quen cúi chào gặp người ngang thắt lưng. Nếu ngồi trên sàn nhà mà cúi chào thì đặt tay xuống sàn và cúi đầu, trán hầu như sát đất. Người Nhật chào nhau một vài lần trong ngày. Nếu gặp người trên, ở cơ quan chẳng hạn, thì lần đầu phải cúi chào thi lễ, còn những lần sau chỉ khẽ cúi chào. Cha mẹ đi hay về, con cái đều phải ra tận cửa tiễn hoặc đón. Trong những trường hợp này đều có những câu chào được quy định. Nghi thức cúi chào của họ ngay cả người Nhật cũng cảm thấy rườm rà, nhưng nó vẫn tiếp tục tồn tại.

Trong giao tiếp ngôn ngữ, người Nhật thường không cho rằng nói thao thao bất tuyệt là một ưu điểm, sự điềm tĩnh mới là tiêu chuẩn hành vi của họ. Người Nhật không có khuynh hướng mở đầu câu chuyện và cũng không cố gắng để duy trì nó. Họ nói năng thận trọng, không cho phép mình phát biểu tự do, tùy tiện; tuy nhiên cũng có thể thoải mái hơn trong nhóm bạn bè, người thân. Trong đàm luận, họ ít khi giành ưu thế

hay thuyết phục người khác, họ cố gắng tránh những cuộc đối đầu trực tiếp. Không bao giờ người Nhật đứng lên phản đối ý kiến của người nói chuyện, cho dù ý kiến đó thuộc quan điểm đối lập.

Người Nhật rất ít khi nói “không”. Từ phạm hủ “không” được đặc biệt tránh dùng trong quan hệ làm ăn. Khi phải từ chối một khách hàng, có thể người Nhật sẽ tiếp đón ông ta một cách long trọng cùng với lời hứa “để chúng tôi suy nghĩ”. Nhưng điều đó có nghĩa là họ tránh cho ông ta khỏi nghe từ “không”.

Khả năng thể hiện ý nghĩ rõ ràng, ngắn gọn và thẳng thắn không trùng hợp với quan niệm của Nhật Bản về sự lịch thiệp. Thường thì, ý nghĩa câu nói bị làm mờ đi một cách có chủ ý bằng các đoạn văn mà trong đó chứa đựng sự không rõ ràng, nghi ngờ vào chân lý của điều nói ra và sự sẵn sàng đồng ý với ý kiến phản đối. Người Nhật trong nhiều thế hệ được giáo dục phải nói vòng vo để tránh sự xung đột các ý kiến khác nhau, tránh những khẳng định dứt khoát có thể làm chạm đến lòng tự ái của người khác. Trong nhiều trường hợp, sự im lặng đối với người Nhật còn có nhiều nghĩa hơn là lời nói.

Một đặc điểm quan trọng trong ngôn ngữ giao tiếp tiếng Nhật là ở đây có vô số những cách nói lịch sự và những lời đặc biệt thể hiện sự kính trọng và khiêm tốn. Có thể nói tiếng Nhật chính là ngôn ngữ có số lượng những quy tắc và cách nói lịch sự (kính ngữ) nhiều nhất trên thế giới. Để được đánh giá là có giáo dục, bạn phải đáp lại sự đòi hỏi về việc sử dụng thành thạo hệ thống kính ngữ với đủ các cung bậc phức tạp. Tuy nhiên, trong khi bạn cố gắng hoàn thiện vốn tiếng Nhật để hòa đồng với họ, bạn dường như lại bị đẩy ra xa hơn, bởi người Nhật rất sợ bị

hiểu quá rõ về bản sắc, sự độc tôn trong văn hóa của họ.

** Ứng xử với người nước ngoài*

Nhiều nghiên cứu của các học giả phương Tây cho rằng, vị trí địa lý đặc thù của Nhật Bản là tách rời khỏi các nền văn minh lục địa, và do đó người Nhật có xu hướng “vị chủng” trong quan hệ ứng xử. Trong tâm lý của người Nhật, khái niệm “chúng ta” (tức là người Nhật) luôn đối lập rõ rệt với khái niệm “họ” (tức là tất cả những ai không phải là người Nhật). Đặc điểm này nổi bật trong ứng xử truyền thống cũng như hiện đại, thể hiện ở việc người Nhật thường “co cụm”, kín đáo tới mức thiếu cởi mở khi giao tiếp, đặc biệt là với người không quen biết. Một hệ quả tất yếu của đặc điểm này là người Nhật trở nên thích cảm giác được ở trong “tập thể” hơn là sự độc lập.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy trên bề nổi, tính thuần nhất của dân tộc Nhật và cảm thức mạnh mẽ của họ về sự giống nhau là một trong những sức mạnh để người Nhật trong khi vay mượn thường xuyên từ các nền văn hóa khác vẫn luôn bảo vệ được bản chất đặc biệt của họ. Đối với người Nhật, khi một người nước ngoài xâm nhập sâu vào “bộ tộc” của họ, quá tình thông các sắc thái văn hóa xã hội của họ cũng đồng nghĩa với mối đe dọa bị tước đi bản sắc độc tôn - mối nguy hiểm không gì so sánh nổi.

** Xử thế ở nơi công cộng*

Phép xử thế của người Nhật ở ngoài nhà có nhiều điểm khác với phép xử thế của một số dân tộc. Nếu như người Việt Nam chúng ta cũng như nhiều dân tộc khác quen để ý đến cách cư xử của bản thân ở chỗ giữa những người lạ hơn ở trong gia đình, thì người Nhật cư xử sau bàn ăn ở nhà còn long trọng hơn khi ra

ngoài đường. Người Nhật có thể ăn vận thoải mái, thậm chí khá “bất lịch sự” trên tàu điện và một số nơi công cộng, trong khi đó nếu có khách đến chơi nhà, họ sẽ vội vàng đóng bộ với hình thức cần thiết.

Sự lịch thiệp Nhật Bản chỉ tồn tại trong lĩnh vực cá nhân và hoàn toàn không phổ biến trong quan hệ xã hội. Những người nước ngoài đến Nhật Bản dễ phát hiện ra điều mâu thuẫn này hơn là hiểu được bản chất của nó.

3. Ứng xử trong gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, vì vậy ứng xử trong gia đình cũng tuân theo những nguyên tắc ứng xử văn hóa của xã hội nói chung. Nhưng, gia đình cũng đồng thời là một “nhóm xã hội” đặc biệt nên có một số nguyên tắc ứng xử riêng. Trong phần này, chúng tôi sẽ khảo sát những nguyên tắc ứng xử nổi bật trong môi trường gia đình của người Nhật và đặc biệt, chú trọng vào việc phân tích vai trò của người phụ nữ Nhật Bản trong môi trường này.

Hình thái gia đình truyền thống của Nhật Bản cho tới thời kỳ trước Chiến tranh thế giới thứ Hai vẫn là kiểu gia đình lớn “ie” (thường bao gồm hai, ba thế hệ của những anh em trai đã xây dựng gia đình với bố mẹ cùng chung sống một nhà). Dưới ảnh hưởng của Đạo Khổng, những mối quan hệ trong gia đình dựa trên chế độ gia trưởng, người bé phải kính trọng, vâng lời người lớn, con cái phải vâng lời cha mẹ, phụ nữ phải tôn trọng đàn ông, vợ phải nghe lời chồng.

Vào thời kỳ công nghiệp hóa ở Nhật Bản, những người này đến các nhà máy, công trường ở thành phố kiếm việc làm, xây dựng gia đình và không trở về nông thôn nữa. Chính họ là những người đã tạo lập ra kiểu gia đình “hạt nhân” (gia

đình chỉ có hai thế hệ bố mẹ và con) và con số gia đình kiểu này đã tăng nhanh cùng với tốc độ đô thị hóa. Ngày nay, cơ cấu gia đình Ie cũng có nhiều thay đổi. Những công việc mới ở thành phố trở nên cuốn hút giới trẻ tới mức ngay cả những người con trai trưởng cũng ít muốn “thừa kế” gia tài cùng với công việc tẻ nhạt và vất vả quanh năm ở nông thôn. Do vậy, quyền lực chủ yếu của người chủ nhà không còn như trước và ai trong số những người con trai ở lại nhận thừa kế cũng đều được bố mẹ chấp thuận.

Về vấn đề hôn nhân, người Nhật xem chuyện cưới hỏi không phải là của cá nhân mà là chuyện được quyết định bởi cả gia đình. Theo một nghiên cứu xã hội học, vẫn có tới 40% các cuộc hôn nhân của Nhật Bản là do mai mối và điều này cũng có nghĩa là gần một nửa số thanh niên hiện nay không được phép tự mình giải quyết vấn đề quan trọng nhất của con người - vấn đề lựa chọn bạn đời. Mặc dù trên bề mặt có vẻ như xã hội Nhật Bản đã Tây phương hóa một cách mạnh mẽ, nhưng những quan niệm về hôn nhân, về những quy tắc lễ nghĩa trong gia đình vẫn rất ít bị xáo trộn. Rõ ràng là khi lao vào những mớit cực tả của Tây phương, thanh niên Nhật vẫn chưa hoàn toàn xa rời đạo đức và phong tục của các thế hệ lớn tuổi.

Địa vị của người phụ nữ trong gia đình và trong xã hội cũ ở Nhật Bản khá thấp kém. Phụ nữ Nhật luôn được giáo dục là “phải quý chồng, chiều chồng, không nề hà bất kỳ công việc gì vì chồng. Không gây phiền phức gì cho chồng bất luận trong trường hợp nào”. Hầu như phụ nữ ít có tiếng nói trong các gia đình nông thôn kiểu cũ. Nhưng hiện nay, địa vị người phụ nữ trong gia đình Nhật Bản đã có những thay đổi đáng kể.

Nhìn bề ngoài, trong phần lớn các gia đình Nhật Bản, ông chồng vẫn là một ông chủ không ai dám cãi. Giả sử sau giờ làm việc ông ta có đi cờ bạc với một người bạn ở đâu đó, hoặc ghé vào quán quen uống một vài ly rượu, tán gẫu với một vài cô gái bán bar thì cũng không hề bị khiển trách khi cuối cùng đã quay về nhà. Các bà vợ Nhật, dù có học thức cao đến đâu hoặc có quyền như thế nào cũng rất cẩn thận trong việc đối xử với chồng của họ với một sự tôn trọng đặc biệt. Theo kiểu làm việc của người Nhật, đa số các ông chồng Nhật Bản dành rất ít thời giờ ở nhà - mười giờ làm việc mỗi ngày, sau đó một vài tuần lại đến công sở làm thêm vào thứ bảy, các ông chồng đã trở thành những người “khách qua đêm” ở chính ngôi nhà của họ. Cuối cùng thì “sự trống rỗng quyền lực tạo ra bởi tình trạng này sẽ được lấp đầy vào bởi người đàn bà trong nhà”. Trong phần lớn các gia đình Nhật Bản, chính bà vợ mới là người có những quyết định lớn như: gia đình sẽ sống ở đâu, sẽ đi xe hơi nào và trường nào cho lũ trẻ đi học.

Như vậy, vai trò của người mẹ trong gia đình Nhật Bản chiếm một vị trí rất lớn. Thậm chí có thể nói rằng tính mẫu hệ này đã in dấu lên phần lớn các ứng xử gia đình và xã hội của người Nhật. Tuy nhiên, hiện nay con số những người chồng trẻ quan tâm đến đời sống gia đình của họ đang tăng lên. Ngày càng có nhiều người đàn ông dành thời gian rảnh rỗi cho các hoạt động gia đình như các buổi cắm trại cuối tuần, các cuộc đi leo núi, ra biển... với các con. Chế độ nghỉ nuôi con nhỏ cũng bắt đầu được luật pháp áp dụng cho các ông bố, giống như với các bà mẹ. Phải chăng, sự cân bằng giữa ảnh hưởng của ông bố và bà mẹ trên tâm lý người Nhật đang dần thay đổi.

4. Ứng xử bản thể

Đạo đức Nhật Bản thường xuyên đòi hỏi ở con người sự hy sinh to lớn cho việc thực hiện các nghĩa vụ của danh dự và lòng biết ơn. Vì vậy, không lạ là với nền đạo đức đó, người Nhật phải học cách hạn chế với những thoải mái của bản thân ngay từ nhỏ.

“Sự xấu hổ là cái nền mà trên đó mọc lên tất cả mọi phẩm hạnh” - câu tục ngữ này chứng tỏ rằng cách xử sự của người Nhật do những người chung quanh quy định. Không tuân thủ theo những phong tục lâu đời, không đếm xỉa gì đến ý kiến của gia tộc có nghĩa là sẽ bị mọi người lên án và xa lánh. Hãy hành động như mọi người thường làm - lòng trọng danh dự đòi hỏi con người phải như vậy. “Giri”, hay lòng trọng danh dự thể hiện thứ nhất là trong quan hệ với mọi người xung quanh, thứ hai là đối với uy tín của bản thân - nó buộc con người không được tạo ra tình thế mà bản thân anh ta hoặc ai khác bị mất uy tín hoặc bị xúc phạm. Lòng trọng danh dự không cho phép một người thể hiện sự yếu kém của mình trong lĩnh vực mà vị trí của anh ta buộc anh ta phải có khả năng. Nhưng, có một sự mâu thuẫn ở đây. Cho dù một người Nhật có cảm thấy rất đau đớn trong tình huống bị đối phương hạ thấp nhân phẩm của bản thân thì họ không tìm cách báo thù như tính cách cơ bản của các quan hệ con người. Lòng trọng danh dự đối với bản thân ngay từ nhỏ đã dạy cho họ biết tôn trọng sự tự ái của người khác.

Từ đây sinh ra một nguyên tắc ứng xử khá phổ biến ở người Nhật: tránh mọi sự cạnh tranh trực tiếp khi mà sự lựa chọn có lợi đối với một bên sẽ trở thành sự mất mát đối với bên kia. Nhân vật trung gian được sử dụng trong nhiều trường hợp khác nhau nhằm giúp hai

bên quan điểm xích lại gần nhau, từ các hợp đồng kinh tế đến việc mai mối vợ chồng. Có thể nói, đây là lối ứng xử rất điển hình của dân tộc Nhật, khác hẳn với các dân tộc khác.

Như vậy, nhằm tạo thuận lợi, nâng cao hơn nữa sự hiểu biết đôi bên góp phần củng cố, tăng cường mối quan hệ trên nhiều mặt của hai nước Việt Nam – Nhật Bản, đặc biệt từ phía Việt Nam, thì việc nghiên cứu, đánh giá những điều kiện kinh tế và chính trị của mỗi nước là chưa đủ, mà việc nắm bắt phương hướng chính xác trong cách giao tiếp, ứng xử là một nội dung quan trọng, nhất là phương diện tâm lý, tính cách dân tộc, cũng đóng vai trò thiết yếu trong sự thành bại của mối quan hệ hợp tác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vxevolov Obchinikov. Cành Sakura. Nguyễn Ngọc Sang dịch. Mũi Cà Mau: 1987.
2. Robert C. Christopher. Phong cách người Nhật trong kinh doanh. Phạm Phương Hoa dịch. H.: Thống kê, 1995.
3. V.A.Pronnikov, I.D. Ladanov. Người Nhật. Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Hậu Giang, 1988.
4. Hữu Ngọc, Hoa anh đào và điện tử. H.: Văn hóa, 1989.
5. Chie Nakane. Xã hội Nhật Bản. Đào Anh Tuấn dịch. H.: Khoa học xã hội, 1990.
6. Arthur M. Whitehill. Quản lý Nhật Bản truyền thống và quá độ. Phạm Xuân Mai, Phạm Quý Long dịch. Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản: 1996.
7. Lê Thị Bùng. Tâm lý học ứng xử. H.: Giáo dục, 1998.
8. Lê Như Hoa. Văn hóa ứng xử các dân tộc Việt Nam. H.: Văn hóa Thông tin, 2002.
9. Trần Mạnh Cát, Cung Hữu Khánh. Một vài khía cạnh về lối sống của người Nhật Bản. Đề tài cấp viện, Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, 1997.
10. Nguyễn Tuấn Khanh. Những tính cách truyền thống của người Nhật Bản. Tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản*, số 2/2001.
11. Lê Đức Niệm. Sự giao tiếp giữa văn hóa Nhật Bản và văn hóa đời Đường, Trung Quốc. Tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản*, số 1/1995.
12. Ngô Hương Lan. Về tính cách người Nhật trong quan hệ ứng xử. Đề tài cấp Viện, Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, 2002.
13. Trần Mạnh Cát. Gia đình Nhật Bản. H.: Khoa học xã hội, 2004.
14. Yoichi Sugiura. Từ điển giới thiệu về văn hóa Nhật. Công ty in Natsume: 1993.